BỘ CHÍNH TRỊ
BỘ CHÍNH TRỊ
28-07-2026 18:08:51 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 31-CTr/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới

---

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động nhằm cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả Kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm phù hợp với mô hình phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Chương trình hành động đề ra các nhiệm vụ, đề án, dự án quan trọng trong giai đoạn 2026 - 2030; xác định cụ thể trách nhiệm, tiến độ, sản phẩm và nguồn lực thực hiện; làm căn cứ để các cấp, các ngành triển khai theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động, yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng nghiêm túc quán triệt sâu sắc phương châm: Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phải được xác định là một trong những động lực phát triển mới, gắn với nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Đầu tư cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu là đầu tư cho phát triển bền vững, cần được ưu tiên bảo đảm nguồn lực tương xứng, đáp ứng yêu cầu đề ra, phù hợp với tốc độ tăng trưởng và quy mô của nền kinh tế.

II- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và Nhân dân

- Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng; các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cấp chính quyền quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về vai trò quan trọng của bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Triển khai, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm sự tham gia rộng rãi, thực chất, có trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, cơ quan báo chí, truyền thông và Nhân dân trong tham gia xây dựng, phản biện, góp ý hoàn thiện chủ trương, chính sách và giám sát việc thi hành pháp luật.

- Triển khai thực chất, hiệu quả các phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, lan toả thực hành lối sống xanh, tiêu dùng xanh, bền vững trong cộng đồng; phát hiện, khuyến khích, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Hoàn thiện thể chế, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; tăng cường kiểm tra, giám sát

- Hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và chủ động xây dựng thể chế thúc đẩy kinh tế xanh, tuần hoàn, cácbon thấp.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó việc quản lý phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-zôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, thị trường cácbon.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

- Chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu, kết hợp chặt chẽ giữa tiền kiểm gắn với tăng cường hậu kiểm dựa trên mức độ tuân thủ; xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; hoàn thiện tiêu chí phân

loại dự án theo mức độ rủi ro môi trường. Thiết lập cơ chế kết hợp kiểm soát từng nguồn thải với kiểm soát theo vùng, khu vực và tổng thải lượng chất ô nhiễm; hoàn thiện cơ chế điều phối liên vùng, liên ngành, liên địa phương.

- Hoàn thiện, triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách để điều chỉnh hành vi và khuyến khích phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, cácbon thấp, thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng xanh, bền vững, mua sắm xanh.

- Phát triển mạnh mẽ kinh tế môi trường; thương mại hoá các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và kết quả đổi mới sáng tạo về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan ở Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã trong kiểm soát nguồn thải, bảo đảm chất lượng môi trường và giải quyết các vấn đề môi trường; thống nhất nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đề cao trách nhiệm cấp uỷ, chính quyền, nhất là người đứng đầu trong thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; siết chặt kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong thi hành pháp luật.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiến hành kiểm toán môi trường theo quy định pháp luật. Tăng cường hướng dẫn, đối thoại và đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm nhận diện rủi ro, phòng ngừa, giảm thiểu sai sót, vi phạm và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt của ngân sách nhà nước, huy động, phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội, nguồn vốn quốc tế, các quỹ khí hậu toàn cầu, nguồn tài chính xanh, đầu tư xanh, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, nguồn vốn vay ưu đãi và các nguồn lực hợp pháp khác phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xanh, phát thải cácbon thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chủ động tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế về tài chính khí hậu, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường cácbon và thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thuận lợi, ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học, công nghệ cho các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các chương trình, dự án xử lý các vấn đề, điểm nóng bức xúc về ô nhiễm môi trường.

- Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật đa mục tiêu, trong đó có tích hợp các yêu cầu về bảo vệ môi trường, thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, phát triển kinh tế tuần hoàn, phát thải cácbon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

- Tăng cường đầu tư, kết hợp huy động xã hội hoá để nâng cấp, hiện đại hoá mạng lưới quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan.

4. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống

- Tập trung giải quyết ô nhiễm không khí tại các đô thị đặc biệt; ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ, đoạn sông; ô nhiễm tại các làng nghề, cụm công nghiệp, khu vực khai thác, chế biến khoáng sản; các khu vực tồn lưu hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật.

- Thúc đẩy phân loại chất thải phục vụ tái sử dụng, tái chế, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, giảm mạnh tỉ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt.

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải, hình thành các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải, nhất là chất thải nhựa, chất thải từ quá trình chuyển đổi xanh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm, tiêu hao nhiều tài nguyên, hiệu quả thấp.

- Nghiên cứu, từng bước áp dụng công cụ quản lý tổng thải lượng chất ô nhiễm phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tại những khu vực có rủi ro cao, áp lực môi trường lớn.

- Quản lý chặt chẽ, giám sát liên tục theo thời gian thực các nguồn phát sinh nước thải, khí thải lớn, không để phát sinh khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

5. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển kinh tế dựa trên dịch vụ hệ sinh thái; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên

- Quản lý chặt chẽ các khu bảo tồn hiện có, ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học, bảo đảm hài hoà giữa bảo tồn và phát triển, duy trì các chức năng sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường.

- Mở rộng, nâng cao hiệu quả quản lý di sản thiên nhiên; thực hiện các giải pháp dựa vào tự nhiên, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái quan trọng, nhạy cảm; phát triển các bể hấp thụ cácbon xanh; tiếp tục chú trọng bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen.

- Phát triển các mô hình kinh tế dựa trên các dịch vụ hệ sinh thái và vốn tự nhiên; chú trọng phát triển sinh kế bền vững, du lịch sinh thái, kinh tế dưới tán rừng và các mô hình kinh tế xanh phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

- Nghiên cứu và triển khai lượng giá tài nguyên và các dịch vụ hệ sinh thái, hạch toán vốn tự nhiên trong hệ thống thống kê và hoạch định chính sách phát triển quốc gia.

- Thực hiện lồng ghép giá trị thiên nhiên, sinh thái, đa dạng sinh học, phát triển hạ tầng xanh trong lập và thực hiện quy hoạch tại đô thị, khu dân cư.

- Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

- Thực hiện các giải pháp hiện đại hoá quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên gắn với chuyển đổi số; tăng cường công tác điều tra cơ bản, quy hoạch các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, nước, khoáng sản và tài nguyên biển, bảo đảm an ninh tài nguyên gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường.

6. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn của người dân và nền kinh tế

- Xây dựng, định kỳ cập nhật các kịch bản biến đổi khí hậu dài hạn; điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phù hợp với thực tiễn của từng vùng, từng địa phương, ưu tiên những nơi có nguy cơ rủi ro cao; đầu tư xây dựng lực lượng, phương tiện đủ khả năng ứng phó, khắc phục kịp thời thiệt hại khi có thiên tai xảy ra.

- Hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật công trình có xét đến yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán và các tác động do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Phát triển các đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu, tập trung giải quyết ngập úng do mưa lớn cực đoan, triều cường ở các đô thị lớn.

- Xây dựng các mô hình điểm về nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực dự báo khí tượng thuỷ văn, cảnh báo sớm thiên tai, rủi ro khí hậu trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan.

- Triển khai các giải pháp thích ứng đặc thù theo vùng, dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái; chủ động di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ rủi ro cao tại trung du và miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch lại các khu dân cư, thực hiện di dân khỏi các vùng rủi ro cao, kết hợp với bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân.

- Hoàn thiện các cơ chế, giải pháp công trình và phi công trình, kết hợp với các công cụ tài chính nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu cho người dân, doanh nghiệp.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế cácbon thấp, tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính

- Thúc đẩy chuyển đổi các ngành kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải cácbon thấp và hình thành các ngành kinh tế mới nhằm giảm áp lực đối với môi trường, phấn đấu thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

- Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tuần hoàn vật liệu, sản phẩm trong toàn chuỗi giá trị; có cơ chế ưu đãi vượt trội cho các dự án phát triển công nghiệp tái chế, xử lý chất thải.

- Ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Thực hiện chuyển đổi hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng giảm phát thải, tuần hoàn và bền vững trong toàn chuỗi giá trị.

- Thúc đẩy phát triển các mô hình công nghiệp xanh, đô thị xanh, công trình xanh, giao thông xanh, hình thành các khu vực đô thị phát thải thấp.

- Thực hiện các chương trình đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ sinh kế để giảm thiểu tác động đối với người lao động trong quá trình chuyển đổi xanh.

- Kiểm soát chặt chẽ phát thải khí nhà kính ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án, trong toàn bộ vòng đời sản phẩm và hoạt động tiêu dùng của xã hội; hoàn thiện hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động trao đổi tín chỉ cácbon; từng bước xây dựng tiêu chuẩn tín chỉ cácbon trong nước tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế.

8. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

- Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, tập trung vào quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo môi trường, khí hậu và an toàn bức xạ; công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng xanh, bền vững; công nghệ giảm phát thải, tái chế, xử lý chất thải; giống, kỹ thuật nuôi, trồng hiện đại, năng suất cao, phát thải thấp.

- Nghiên cứu, phát triển công nghệ thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng cácbon, ứng dụng công nghệ cácbon thấp trong các ngành, lĩnh vực.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu thống nhất, đồng bộ, tích hợp, liên thông; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám… phục vụ hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát, quan trắc, dự báo, cảnh báo và công khai, minh bạch thông tin về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.

- Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường, biến đổi khí hậu, nhất là ở cấp xã; đẩy mạnh liên kết viện - trường - doanh nghiệp, mở rộng hợp tác quốc tế, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo theo

hướng hiện đại, liên ngành, gắn với thực tiễn; xây dựng, phát triển, trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, cán bộ trẻ tài năng; đồng thời có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với đội ngũ làm công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

9. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế

- Chủ động, tích cực hợp tác, hội nhập quốc tế, tham gia định hình các sáng kiến, các thoả thuận và cơ chế hợp tác khu vực, toàn cầu về môi trường, khí hậu; nâng cao vai trò, vị thế và uy tín quốc gia, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với trách nhiệm quốc tế.

- Triển khai các hoạt động ngoại giao môi trường, khí hậu; huy động, tiếp cận, phát huy hiệu quả các nguồn lực tài chính, chuyển giao công nghệ xanh, tiên tiến, nâng cao năng lực và hỗ trợ thực thi từ các đối tác phát triển.

- Triển khai các giải pháp nâng cao năng lực dự báo, đánh giá tác động và chủ động ứng phó với các tiêu chuẩn, quy định, hàng rào kỹ thuật thương mại quốc tế về môi trường, khí hậu.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường hợp tác trong quản lý và phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường xuyên biên giới, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và các vấn đề liên quan đến an ninh môi trường, an ninh khí hậu, an ninh năng lượng.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng uỷ Quốc hội

a) Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung các nhiệm vụ lập pháp vào Chương trình lập pháp để triển khai thực hiện Kết luận; thể chế hoá kịp thời các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kết luận.

b) Chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội; tăng cường giám sát việc xây dựng và thực thi pháp luật; việc thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; thực thi công vụ của người có chức vụ, quyền hạn; các chuyên đề về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Đảng uỷ Chính phủ

a) Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận, gắn với kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện.

b) Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Chỉ đạo lồng ghép, tích hợp các yêu cầu về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; huy động, bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện Kết luận.

3. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương

a) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội.

b) Xây dựng và triển khai các phong trào chung tay bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, lan toả các hoạt động thực hành sống xanh, tiêu dùng bền vững trong cộng đồng.

4. Quân uỷ Trung ương

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các nước, tổ chức quốc tế thúc đẩy mạnh mẽ công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh; công tác khắc phục hậu quả chất độc hoá học/điôxin, ưu tiên ở các "điểm nóng"; làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho nạn nhân chất độc da cam/điôxin.

b) Chủ động tổ chức, rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phương án tác chiến, bố trí khu vực đóng quân trong từng giai đoạn cụ thể, bảo đảm phù hợp, tránh những tác động bất lợi của các yếu tố môi trường, biến đổi khí hậu; chỉ đạo việc quan trắc môi trường xuyên biên giới, các vùng biển, đảo trọng yếu, kiện toàn, bảo đảm trang thiết bị, phương tiện tiên tiến, hiện đại và nâng cao năng lực.

c) Đáp ứng yêu cầu trong chủ động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, phòng tránh và khắc phục hậu quả thiên tai; tiên phong trong công tác tuyên truyền và thực hiện tốt phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

5. Đảng uỷ Công an Trung ương

a) Tham mưu chiến lược với Đảng và Nhà nước trong hoạch định chủ trương, chính sách, pháp luật, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ kết hợp chặt chẽ chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, nhằm bảo đảm các lợi ích của quốc gia, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

b) Chủ động rà soát, điều chỉnh, xây dựng phương án, kế hoạch, bố trí lực lượng, trang thiết bị, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng phó khắc phục sự cố môi trường, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn nhằm bảo vệ Nhân dân và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi có thiên tai và sự cố môi trường xảy ra.

c) Chỉ đạo đổi mới tư duy, chủ động công tác nắm tình hình, điều tra, phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan trong công tác điều tra, phòng, chống tội phạm môi trường.

d) Chủ động rà soát nhu cầu, đầu tư phương tiện, vật tư, trang thiết bị hiện đại phục vụ triển khai công tác của lực lượng Công an trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số, thúc đẩy chuyển đổi xanh trong Công an nhân dân.

6. Đảng uỷ các bộ, ngành thuộc Đảng uỷ Chính phủ

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận, triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận.

b) Chỉ đạo nghiên cứu, triển khai thực hiện, trong đó tập trung hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và các nhiệm vụ đề ra tại Kết luận.

c) Lãnh đạo, chỉ đạo bố trí đủ ngân sách và tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu bảo đảm hiệu quả và đúng mục tiêu.

d) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc thẩm quyền quản lý của ngành, lĩnh vực.

7. Các tỉnh uỷ, thành uỷ

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung của Kết luận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn, bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo bố trí đủ ngân sách và tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu bảo đảm hiệu quả và đúng mục tiêu.

c) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn.

d) Tổ chức triển khai các phong trào toàn dân bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

8. Ban Chính sách, chiến lược Trung ương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện Kết luận; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

b) Chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ nghiên cứu, đề xuất các chính sách vĩ mô, cơ chế mới về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ theo dõi, đôn đốc các cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

9. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương

Chủ trì hướng dẫn công tác quán triệt, triển khai thực hiện, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trần Cẩm Tú

Nơi nhận:
- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



Phụ lục 1

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 31-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
1.	Tỉ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm	Tối thiểu 2%	Đảng uỷ Bộ Tài chính
2.	Tỉ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục	100%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3.	Tỉ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí (AQI) ở mức tốt và trung bình ở các đô thị đặc biệt đạt tối thiểu	80%	Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh
4.	Tỉ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	Đảng uỷ Bộ Công Thương
5.	Tỉ lệ nước thải sinh hoạt đô thị tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	70%	Đảng uỷ Bộ Xây dựng
6.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	95%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	85%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	< 30%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9.	Tỉ lệ che phủ rừng	42%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
10.	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	6%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11.	Tỉ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12.	Tỉ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	80%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường
13.	Tỉ trọng kinh tế xanh trên GDP	10%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường
14.	Tỉ lệ khu công nghiệp sinh thái trên cả nước	10%	Đảng uỷ Bộ Tài chính
15.	Tỉ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt tối thiểu	26,1%	Đảng uỷ Bộ Công Thương
16.	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm	1 - 1,5%	Đảng uỷ Bộ Công Thương
17.	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên cả nước	1.200	Đảng uỷ Bộ Xây dựng
18.	Giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia so với kịch bản phát triển thông thường	9%	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CHIẾN LƯỢC QUAN TRỌNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Chương trình hành động số 31-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
I	**Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của các đoàn thể, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp**					
1.	Tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Ban Tuyên giáo Trung ương	Các cơ quan Trung ương, tỉnh, thành phố	Thường xuyên	Các hội nghị tuyên truyền	Ngân sách nhà nước
2.	Tổ chức phát động, kêu gọi, vận động toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	Thường xuyên	Các hoạt động/phong trào	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
3.	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền chính sách, pháp luật và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	Các cơ quan báo chí, truyền thông	Thường xuyên	Các hoạt động tuyên truyền	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
II	**Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; chiến lược, quy hoạch**					
4.	Sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2026	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
5.	Sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2026	Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo sửa đổi	Ngân sách nhà nước
6.	Sửa đổi Luật Đa dạng sinh học năm 2008	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2028	Luật Đa dạng sinh học sửa đổi	Ngân sách nhà nước
7.	Sửa đổi Luật Khí tượng thuỷ văn năm 2015	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2027	Luật Khí tượng thuỷ văn sửa đổi	Ngân sách nhà nước
8.	Sửa đổi Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự (liên quan đến môi trường)	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2026	Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi	Ngân sách nhà nước
9.	Sửa đổi Luật Tài nguyên nước năm 2023	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2028	Luật Tài nguyên nước sửa đổi	Ngân sách nhà nước
10.	Xây dựng Luật Biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2029	Luật Biến đổi khí hậu	Ngân sách nhà nước
11.	Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường, khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
12.	Xây dựng Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2029 - 2030	Chiến lược	Ngân sách nhà nước
13.	Xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Chiến lược	Ngân sách nhà nước
14.	Xây dựng Chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2029 - 2030	Chiến lược	Ngân sách nhà nước
15.	Xây dựng Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2075	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Chiến lược	Ngân sách nhà nước
16.	Xây dựng Quy hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2029 - 2030	Quy hoạch	Ngân sách nhà nước
17.	Xây dựng Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2029 - 2030	Quy hoạch	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
III	**Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực**					
18.	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng ngân sách chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2027	Cơ chế, chính sách, pháp luật	Ngân sách nhà nước
19.	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư xanh, tuần hoàn, phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030	Các cơ chế, chính sách ưu đãi	Ngân sách nhà nước
20.	Triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu bảo đảm hiệu quả và đúng mục tiêu	Các tỉnh, thành phố	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố có liên quan	Thường xuyên	Các dự án	Ngân sách nhà nước
21.	Huy động nguồn lực xã hội triển khai các dự án xử lý ô nhiễm môi trường, quan trắc môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai	Các tỉnh, thành phố	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố có liên quan	Thường xuyên	Các dự án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
22.	Huy động và triển khai hiệu quả nguồn vốn quốc tế, vốn vay ODA, viện trợ không hoàn lại	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố có liên quan	2026 - 2030	Các dự án	Các khoản vốn vay, viện trợ không hoàn lại

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
IV	**Giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường, cải thiện chất lượng môi trường**					
23.	Triển khai các dự án giải quyết những điểm nóng, bức xúc về ô nhiễm môi trường	Các tỉnh, thành phố	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030	Các dự án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
24.	Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt phục vụ tái sử dụng, tái chế, xử lý	Các tỉnh, thành phố	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan	Thường xuyên	Các dự án, nhiệm vụ	Ngân sách nhà nước
25.	Đầu tư phát triển hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải	Các tỉnh, thành phố	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030	Các dự án, nhiệm vụ	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
26.	Triển khai công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, khắc phục hậu quả chất độc hoá học/điôxin, ưu tiên ở các "điểm nóng" và chăm sóc sức khoẻ nạn nhân chất độc da cam/điôxin	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố có liên quan	Thường xuyên	Các dự án, nhiệm vụ	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
V	**Bảo vệ tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**					
27.	Xây dựng Đề án hoàn thiện cơ chế quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026	Đề án	Ngân sách nhà nước
28.	Chương trình phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm trên các lưu vực sông lớn, quan trọng quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2027 - 2030	Chương trình	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
VI	**Thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn của người dân và nền kinh tế**					
29.	Xây dựng Kịch bản biến đổi khí hậu cập nhật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2029 - 2030	Kịch bản	Ngân sách nhà nước
30.	Xây dựng Đề án hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Đề án	Ngân sách nhà nước
31.	Triển khai phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long	Các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long	Các bộ, ngành có liên quan	Thường xuyên	Chương trình/đề án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
32.	Triển khai phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung, miền núi phía Bắc	Các tỉnh, thành phố miền Trung, miền núi phía Bắc	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố có liên quan	Thường xuyên	Chương trình/dự án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
33.	Xây dựng và triển khai phương án di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ, rủi ro thiên tai cao	Các tỉnh, thành phố	Các bộ, ngành có liên quan	Thường xuyên	Các phương án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
34.	Xây dựng Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố liên quan	2029 - 2030	Kế hoạch	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
35.	Chủ động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; khắc phục hậu quả thiên tai	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	Thường xuyên	Các hoạt động ứng phó, khắc phục	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
VII	**Chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính**					
36.	Xây dựng Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2026	Đề án	Ngân sách nhà nước
37.	Xây dựng cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2030	Đóng góp do quốc gia tự quyết định	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
38.	Xây dựng Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Chương trình	Ngân sách nhà nước
39.	Triển khai chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường giai đoạn 2025 - 2030	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Các đề án/nhiệm vụ	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
40.	Triển khai Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải trong lĩnh vực giao thông vận tải	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Các đề án/nhiệm vụ	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
VIII	**Phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số**					
41.	Xây dựng, cập nhật, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công an, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
42.	Xây dựng, cập nhật, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công an, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
43.	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia	Các tỉnh, thành phố	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh	Ngân sách nhà nước
IX	**Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế**					
44.	Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao môi trường, ngoại giao khí hậu, tham mưu cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước các nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong các diễn đàn đối ngoại cấp cao	Bộ Ngoại giao	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành liên quan	Thường xuyên	Các diễn văn, văn kiện, tuyên bố, hoạt động	Ngân sách nhà nước
45.	Tham mưu đề xuất các sáng kiến, thoả thuận và cơ chế hợp tác khu vực, toàn cầu về môi trường và khí hậu	Bộ Ngoại giao	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành liên quan	Thường xuyên	Các sáng kiến, văn kiện	Ngân sách nhà nước